

Bản án số: **56/2017/DS-ST**
Ngày 21/8/2017
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Xương**

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2017/TLST-DS, ngày 09 tháng 05 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2017/QĐST-DS, ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị H**, địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Lữ Văn C** và bà **Huỳnh Thị H1**, cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017, biên bản lấy khai và biên bản hòa giải cùng ngày 30/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Vào ngày 11/5/2016, ông Lữ Văn C và bà Huỳnh Thị H1 có vay của bà H 10 chỉ vàng 24k vốn, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, thời gian vay khi nào bà có yêu cầu thì vợ chồng ông C, bà H1 trả và hai bên không có làm giấy nợ. Sau khi vay, vợ chồng ông C, bà H1 đóng lãi cho bà được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại không có đóng lãi và trả vốn cho bà đến nay.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà H1 hoàn trả 10 chỉ vàng 24 vốn, không yêu cầu tính lãi và trả đủ trong thời gian ngắn.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 30/5/2017, bị đơn ông Lữ Văn C trình bày: Ông C thừa nhận vào khoảng tháng 05/2016 vợ chồng ông có vay của bà H 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, không có làm giấy nợ. Sau khi vay, vợ chồng ông đã đóng lãi được 6 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại không có trả vốn, lãi đến nay.

Nay ông đồng ý trả cho bà H 10 chỉ vàng 24k, khi nào vợ ông có tiền gửi về thì ông trả cho bà H từ từ cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 và khoản 1 Điều 474 BLDS; xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị H1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án số 237/TB-TLVA ngày 09/5/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất số 196/TB-TA ngày 09/5/2017, lần thứ hai số 348/TB-TA ngày 30/5/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-DS ngày 17/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2017/QĐST-DS, ngày 04/8/2017 các văn bản trên đều do ông Lữ Văn C là chồng bà H1 nhận thay và có cam kết giao hoặc báo tin cho bà H1 hay và tại tòa hôm nay ông C và bà H1 cùng bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C và bà H1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã thụ lý vụ án số 55/2017/TLST-DS, ngày 09/5/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” là chưa chính xác, nên Hội đồng xét xử cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” cho đúng với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung: Vào ngày 11/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 17/4/2016), ông Lữ Văn C và bà Huỳnh Thị H1 có vay của bà H 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng, thời gian vay khi nào bà H cần thì báo cho vợ chồng ông C, bà H1 trả và hai bên không có làm giấy nợ. Sau khi vay, vợ chồng ông C, bà H1 đóng lãi cho bà H được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại không có đóng lãi và trả cho bà H. Phía ông C thừa nhận lời khai của bà H là đúng sự thật và hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà H 10 chỉ vàng 24k và chưa đóng lãi từ ngày 17/11/2016 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 30/5/2017, ông C đồng ý trả cho bà H 10 chỉ vàng 24k, nhưng khi nào vợ ông gửi tiền về thì ông trả cho bà H.

Do giao dịch dân sự đang được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng mức lãi suất (nội dung) khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết vụ án. Riêng các phần khác áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết.

- Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự nhận thấy: Bà H với vợ chồng ông C, bà H1 là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần giải quyết hậu quả xảy ra từ hợp đồng này theo quy định tại các Điều 389, khoản 1 Điều 401 và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

- Xét về lỗi: Vợ chồng ông C, bà H1 là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, chính việc vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng ông C, bà H1 đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà H. Do đó, vợ chồng ông C, bà H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H 10 chỉ vàng 24k theo quy định tại Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự.

- Xét về mức lãi suất do hai bên thỏa thuận: Do các Ngân hàng không có huy động vốn và cho vay bằng vàng, nhưng hai bên đã thỏa thuận lãi và đã đóng lãi xong, nên không đặt ra xem xét giải quyết phần lãi mà hai bên đã thực hiện xong. Mặt khác, hai bên cũng không có yêu cầu tính lại lãi suất.

Như vậy, ông C và bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H 10 chỉ vàng 24k vốn.

Đối với yêu cầu của Lữ Văn C cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông trả khi nào vợ ông gửi tiền về thì ông mới trả nợ cho bà H. **Xét thấy**, yêu cầu này của ông C

không được bà H đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông C và bà H1 phải chịu án phí (35.200.000 đồng/10 chỉ vàng x 5%) là 1.760.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 389, khoản 1 Điều 401, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H. Xử buộc ông Lữ Văn C và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị H 10 chỉ vàng 24k vốn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lữ Văn C và bà Huỳnh Thị H1 phải **chịu là 1.760.000 đồng**;

2.2. Bà Trương Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005804, ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng